

TÌM HIỂU LỊCH SỬ NGHỀ KHẮC - IN SÁCH HÁN - NÔM CỦA VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN

Learning about Carving- Printing Han-Nom book of Vietnam in feudal period

Nguyễn Huy Khuyến¹

Tóm tắt

Nghề khắc in ván gỗ sách Hán Nôm của Việt Nam có từ khá sớm, tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khác nhau nên phần nhiều các bản khắc gỗ đã bị hỏng, mất mát không còn lưu giữ lại được là bao nhiêu. Hiện nay đa phần các ván in chúng ta còn giữ được là của triều Nguyễn để lại, một phần nữa là ở các chùa chiền, đền miếu ở phía Bắc. Vì vậy, muốn nghiên cứu lịch sử nghề khắc in chỉ có cách thông qua các tàng bản thời Phong kiến trong các bộ sách Hán Nôm đã in và hiện còn đến ngày nay. Tìm hiểu nghề khắc – in sách Hán Nôm của nước ta thời phong kiến phần nào khái quát quá trình hình thành và phát triển của lịch sử nghề in và những bộ ván in đồ sộ của Việt Nam hiện đang bảo quản tại Đà Lạt.

Từ khóa: sách Hán Nôm, ván in, lịch sử nghề in.

1. Vai trò của khắc in đối với việc nhân bản thư tịch

Khi chưa có kỹ thuật khắc ván gỗ để in sách thì người ta chỉ biết nhân bản bằng phương pháp chép tay. Cho dù bộ sách dày hay mỏng đều được chép tay nhân bản, vì vậy muốn nhân bao nhiêu bản là bấy nhiêu lần chép. Phương pháp này vừa mất thời gian vừa xảy ra tình trạng tam sao thất bản, dẫn đến sai lệch khá nhiều, đặc biệt là những sách học chữ Hán - Nôm, sách nghiên cứu, sách lịch sử..., việc nhân bản để tham khảo hay làm tư liệu thông qua chép lại vừa mất thời gian vừa không chính xác.

Khắc ván cũng gắn với kỹ thuật in hiện đại, đã tạo ra số lượng lớn thư tịch. Trước hết, người ta cưa ván ra thành từng tấm, đem chữ cần in viết lại trên giấy mỏng, rồi dán ngược lên trên tấm ván đó, sau căn cứ vào mỗi nét bút của chữ, dùng dao khắc từng nét một, sao cho mỗi nét bút của chữ nổi lên trên ván. Ván tự có nét nổi lên đó gọi là “ương văn”, nếu chữ lõm xuống gọi là “âm văn”, ván khắc in thường là ván “ương văn”.

Henri Oger trong cuốn sách *Kỹ thuật của người An Nam* nhận xét về nghề khắc in của nước ta như sau: “Một người giỏi thi pháp viết bản văn lên tờ

Abstract

Carving on wood boards for Han-Nom book of Vietnam appeared quite early; however, due to some reasons, many of the carved woods were damaged and lost with a few retained quantities. Currently most of the printed boards left are of the Nguyen Dynasty, and in some temples, pagodas in the North. Therefore, researching the carving-printing history is only carried through the remains in feudal period in printed Nom book. Learning about carving- printing Nom book of our country in feudal period somewhat overviews the process of formation and development of the carving-printing history and the massive printed boards of Vietnam which are being preserved in Dalat.

Key words: Han Nom book, printed boards, carving- printing history.

giấy bản xứ. Đây là loại giấy trong suốt, như ta đã biết. Các tờ giấy này sau đó được giao cho thợ khắc gỗ. Người thợ này dán chúng lên một tấm gỗ rất cứng gọi là gỗ thị. Loại gỗ cứng này không bị côn trùng làm hỏng. Nó rất ăn mực nên chữ in lên đó rất rõ nét, đẹp. Một ít dầu bôi trên tấm gỗ làm hiện ra các nét chữ chưa rõ. Đến đây, người thợ khắc bắt đầu công việc của mình: loại bỏ các phần trắng. Sau đó, bản khắc được giao cho thợ in.” (Henri Oger 2009, tr. 232)

Tuy nhiên, việc lựa chọn gỗ cứng quá sẽ dẫn đến việc khắc chữ rất khó khăn, dễ bị gãy nét hoặc khó chạm khắc lên ván in. Vấn đề này đã được chính sử triều Nguyễn ghi chép, qua đó gỗ làm ván in cần lựa chọn gỗ mềm, dễ khắc và có thể chống được mối mọt và cong vênh theo thời gian.

Về chất liệu gỗ dùng làm ván khắc, theo sách “*Đại Nam nhất thống chí*” thì gỗ dùng làm ván khắc in là gỗ lông mật (nha đồng mộc), thớ gỗ trắng, sáng như ngà voi (còn gọi là gỗ mức). (Quốc sử quán triều Nguyễn 2006, tr. 423)

Theo Châu bản triều Nguyễn, vào thời Tự Đức, sử quán tâu trình về việc khắc in các sách *Ngự chế thi sơ tập*, *Đại Nam thực lục chính biên đệ tam kỷ* có viết: “Nay kiểm thấy bản mẫu cuốn thực lục

¹ Nghiên cứu sinh, Học viện Khoa học Xã hội

gồm 1.900 trang, cần dùng 995 tấm gỗ thị”. (Châu bản triều Nguyễn, tr. 30)

Cũng vào thời Tự Đức, khi đã xuất hiện bản in chữ bằng thiếc thì việc sử dụng mộc bản để khắc in vẫn được coi trọng. Trong Châu bản triều Nguyễn có ghi: “*Khi khắc in sách Ngự chế Việt sử tổng vịnh tập, ở quyển thủ có tên sách, xung quanh vẽ rồng mây, sức cho thợ khắc ván in bì sách và lời đề tựa bằng mực đỏ, chúng thần trộm nghĩ, lời đề tựa nếu dùng bản in chữ bằng thiếc thì chữ in bằng mực đỏ nhỏ bé, e rằng không được rõ lắm. Xin cho Nội các sức cho viết tờ nhan đề, giao cho sử quán tư cho lĩnh gỗ thị giao cho thợ khắc ván, in bằng mực đỏ mới được rõ ràng, trang nhã*”. (Châu bản triều Nguyễn, tr.133)

Trong tờ Châu bản triều Nguyễn, vào thời vua Thành Thái, Quốc sử quán tâu: “*Ngày tháng 9 năm ngoái, quán thần tuân theo các điều cung lục và phiến chuẩn của bộ Lễ tuân lệ đem hai bộ sách Tự Đức Thánh chế và Luận Ngữ thích nghĩa ca, Tự học giải nghĩa châm chước nghĩ viết thử mỗi bộ hai trang giấy tiến trình lên chờ chỉ, vâng được châu điểm. Nay Quán thần tuân phụng kiểm báo rằng hiện các sách trên đã viết xong, xin kính cẩn tiến lăm, chờ giao ra. Lại tuân viết bản riêng và cho Quán thần đem gỗ thị cho khắc in. Sau khi khắc xong cần in ấn bao nhiêu bộ sẽ lại phụng nghĩ xin*”. (Châu bản triều Nguyễn, tr. 203)

Như vậy có thể nói rằng dưới thời Nguyễn, gỗ thị được sử dụng nhiều để khắc ván in các sách của triều đình. Ngoài ra, khi nghiên cứu tài liệu và các bài biểu, bài dụ trong các thư tịch như *Đại Nam thực lục*, *Ngự chế thi tập* của vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức đều có nhắc đến việc dùng gỗ lê, gỗ táo để khắc in được dài lâu. Trong bài dụ sách *Đại Nam thực lục tiền biên* đề ngày 11 tháng 3 năm Thiệu Trị thứ 3 (1844) ... “*Kể tính từ năm Minh Mệnh thứ 2 mở đặt Sử cục, đến năm Thiệu Trị thứ 4, trải trong khoảng 25 năm, biên soạn đã xong, đầy đủ rõ ràng được đến thế, thực đủ làm rạng rỡ công đức thần thánh lớn lao đời xưa, đã vui được lòng trăm muông nêu cao sự nghiệp, trông mến vinh quang. Vậy nên cho khắc vào gỗ lê gỗ táo, in để dài lâu*”. (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002, Tập 1, tr. 8)

Trong một bài biểu của đình thần Quốc sử quán đề ngày 6 tháng 3 năm Thiệu Trị thứ 4 (1844) cho biết: ... “*Tuy niên đại đã lâu, sách vở tàn nát, ở trong không khỏi có chỗ thiếu sót, duy từ đời Minh Mệnh tới nay, tiết thứ biên soạn sửa chữa theo sách*

vở còn lại, nghiên cứu qua nhiều năm tháng, thì những đức nghiệp vẻ vang, phép tắc lớn lao, hiện đã sáng tỏ trong sách. Xin cho khắc gỗ lê gỗ táo, in dâng vào kho sách, để nêu tiếng thơm về sau”. (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002. Tập 1: tr .10)

Các công đoạn để in được một quyển sách phải trải qua các công đoạn sau :

Thứ nhất là người đứng đầu việc khảo biên phải là một chức quan to, coi quản tòa Trung thư giám, một cơ quan giữ việc biên soạn tất cả những cái gì là sáng tác, hoặc ghi chép hoặc thảo văn thư đương thời. Thứ hai đến nhóm người làm chức Tri Thị nội thư tả, trông coi về việc viết chép bản thảo. Thứ ba đến nhóm người phụng giám đăng san, tức là trông coi việc đăng tả và khắc in. Thứ tư đến nhóm người phụng khán đăng tả, nghĩa là vâng lệnh theo dõi việc viết sách. Thứ năm đến người lệ thuộc vào việc xem xét đăng tả. Thứ sáu đến nhóm người phụng đăng, nghĩa là thừa hành việc viết sách. Cuối cùng là thợ chuyên môn ở xã Hồng Lục và xã Liễu Tràng khắc ván gỗ và in sách. (Hoa Bằng 1970, tr. 54)

Sau khi in xong, toàn bộ những bộ ván in sẽ được cất giữ tại kho tàng bản, mục đích là để lưu lại bộ ván này để khi cần nhân bản người ta có thể in tiếp, hoặc có thể sửa chữa, tái bản sách. Giả dụ theo thời gian mà ván in có mục, có hỏng thì người ta chỉ cần bổ sung chính tấm ván in đó mà không cần thay mới toàn bộ các ván in. Điều này làm giảm chi phí và tiết kiệm đáng kể thời gian cho công đoạn nhân bản sau này.

Thông thường, những tàng bản sẽ được khắc ngay trên ván in để biết được bộ sách đó in ở đâu, như bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* của đời Lê có ghi là Quốc tử giám tàng bản.

2. Sơ lược lịch sử nghề khắc in ván gỗ ở Việt Nam

Nghề in của ta có từ khá sớm. Có giả thuyết cho rằng, đất Luy Lâu xưa là một trung tâm Phật giáo lớn, suốt từ thế kỷ I đến thế kỷ III đã khắc in kinh Phật. Có thể đây là nơi in sách sớm nhất trong lịch sử ngành in nước ta. Sau này các thời Lý - Trần đều nói đến việc in sách. Nhưng do sự phũ phàng của thời tiết, khí hậu, sự hủy hoại của chiến tranh, sự tàn phá có ý thức của các thế lực xâm lược, sách in ở nước ta bị mất mát nhiều. Điều biết được chính xác chỉ là nghề làm ra các ván in và các bộ sách in ra từ ván in mộc bản này. Theo Hoa Bằng, nghề in của Đại Việt không muộn hơn thế kỉ XI, đến thế kỉ XV tương đối phát triển, vào thế kỉ XVIII nghề này

được phổ biến rộng rãi và đạt đỉnh cao vào thế kỉ XIX. Theo thống kê của Lê Quốc Việt và Cung Khắc Lược, trong các kho sách của thư viện chỉ chiếm 30% là sách in từ ván gỗ trên tổng số văn bản Hán Nôm hiện còn đến ngày nay. Như vậy, có thể nhận thấy sách Hán Nôm được in từ ván khắc là không nhiều so với những bộ sách Hán Nôm còn lại đến ngày nay. Ngay cả nhiều bộ sử quan trọng của triều đình cũng chưa kịp in hoặc chưa được khắc in như *Đại Nam thực lục chính biên đệ lục kỷ phụ biên; Đại Nam thực lục chính biên đệ thất kỷ* của triều Nguyễn. Hơn nữa, việc khắc và in rất tốn kém, không phải tác giả nào cũng có thể in được sách. Do đó, họ chỉ có bản chép tay mà thôi.

Thời Lý – Trần

Thời Lý – Trần nước Việt đã có nghề khắc ván in và in sách từ mộc bản. Có điều việc này chưa được phổ biến rộng rãi, mà mới chỉ lưu hành ở các chùa chiền. Thời Lý đã xuất hiện sự ghi chép về việc nước ta có nghề khắc ván in. Đó là việc nhà sư Tín Học⁽²⁾ ở Chùa Quán đĩnh, núi Không Lộ, người Châu Minh, phủ Thiên Đức, họ Tô, chuyên nghề khắc kinh. Việc này được ghi trong sách *Thiền Uyển tập anh*. “*Chùa Quán đĩnh, núi Không Lộ. Người châu Minh, phủ Thiên đức, họ Tô. Đời đời chuyên nghề khắc kinh. Nhỏ thờ Thanh giới, không giao du bừa bãi.*” (Kim Sơn – Thiền phái Trúc Lâm 1976, tr. 64). Điều đó chứng tỏ rằng, nghề khắc ván in đã được lưu hành và có những người biết việc khắc ván in.

Hay trong lời tựa *Trích diễm thi tập* Hoàng Đức Lương đã nhận xét rằng: “*Sách vở về đời Lý – Trần, loại được truyền bá rộng rãi, phần nhiều chỉ là sách chép về nhà Phật. [Như thế] có phải là sùng Nho không sâu sắc bằng lòng sùng Phật đâu! Chỉ vì đạo Phật không bị cấm đoán, nên bao nhiêu trước tác nhà Phật đều được đem khắc bản gỗ để truyền lại. Còn thơ văn thì nếu chưa được trộm phép thánh chỉ, tất chưa dám cho ban hành. Đó là lý do thứ tư khiến cho thi ca không được lưu lại hết ở trên đời*” (Viện Văn học 1977, tr.18)

Như vậy, ban đầu những kinh sách đã được in rộng rãi trong các nhà chùa như là một công việc nhân bản để truyền rộng ra thời kỳ này. Còn sách vở liên quan đến văn chương thi phú thì vẫn bị cấm đoán. Thời kỳ này, các tuyển tập thơ văn vẫn chưa được in để lưu hành do chưa có sự đồng ý của vua.

Thời Hồ (1400 - 1407)

Giai đoạn này, kỹ thuật in ấn tương đối phát triển, Hồ Quý Ly đã cho in các tiền giấy “Thông bảo hội sao”, trên đó có vẽ những hình khá phức tạp như cỏ tảo, sông nước, đám mây, con rùa, con lân, chim phượng và rồng. Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*, quyển VIII, trang 289: “*Mùa hạ, tháng 4, bắt đầu phát (tiền giấy) Thông bảo hội sao. In xong, ra lệnh cho người đến đổi, cứ 1 quan tiền đồng đổi lấy 1 quan 2 tiền giấy. Thẻ thức [tiền giấy]: tờ 10 đồng vẽ rồng, tờ 30 đồng vẽ sóng, tờ 1 tiền vẽ mây, tờ 2 tiền vẽ rùa, tờ 3 tiền vẽ lân, tờ 5 tiền vẽ phượng, tờ 1 quan vẽ rồng. Kẻ làm tiền giả bị tội chết, ruồng đất, tài sản tịch thu.*”

Tuy nhiên đến tháng 8 năm Kỷ Mão (1399), tên cướp Nguyễn Nhữ Cái trốn vào núi Thiết Sơn làm giả tiền giấy tiêu dùng. Sự kiện này đánh dấu kỹ thuật in ấn không còn bị phụ thuộc bởi nhà nước Phong kiến quản lý nữa mà tư nhân cũng có thể in được.

Thời Lê sơ (thế kỷ XV)

Trong giai đoạn này xuất hiện một nhân vật tên là “*Lương Như Hộc (tự là Tường Phủ, người làng Hồng Liễu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương, đỗ Thám hoa năm 1442). Tương truyền rằng khi ông đi sứ nhà Minh có học được nghề khắc gỗ in sách, sau về dạy cho dân làng. Sau này nhiều người ở các nơi khác cũng biết đến nghề ván in và in kinh sách. Những thợ chuyên nghiệp này được gọi là “tư nhân*”. (Hoa Bằng 1970, tr.54)

Khi khắc ván in, người ta cũng trải qua nhiều giai đoạn chuẩn bị. Đầu tiên là việc chọn gỗ để làm ván. Thông thường người ta dùng gỗ thị, gỗ lê, gỗ táo, gỗ thừng mực để làm ván in. Sau đó xẻ thành từng tấm với tiêu chuẩn đã định, tùy theo sách mà có thể xẻ gỗ tấm to hay nhỏ. Cuối cùng là công đoạn khắc chữ. Chữ khắc trên mộc bản phải là chữ khắc nổi, “*ương văn*”, chữ khắc trên mộc bản là chữ ngược. Sau khi khắc xong thì mới đến công đoạn in thành sách.

² Nhà sư Tín học người họ Tô, lúc nhỏ học với nhà sư Thanh Giới, đến năm 30 tuổi thì đi tu, thụ giới với nhà sư Đạo Huệ. Tín Học quê làng Chu Minh, phủ Thiên Đức, trụ trì ở chùa Quang Đỉnh trên núi Không Lộ thuộc Sơn Tây, ông mất ngày 9 tháng 1 âm lịch đời vua Lý Cao Tông (ương lịch 15 tháng 2 năm 1190). Có lẽ trong thời gian ở chùa cùng với việc tu luyện và thuyết pháp, ông đã phụ trách cả việc khắc ván in các kinh sách Phật theo nghề gia truyền. Vì vậy, khi nhắc đến những người có công trong nghề này thì người ta nhắc đến ông. Vũ, Ngọc Khánh .2006. *Lược truyện Thần tổ các ngành nghề*. Hà Nội : Nhà xuất bản Thanh Niên. tr 110.



Một trang sách *Ngự chế minh văn cổ khí đồ* in từ ván in

Trong giai đoạn này, nghề khắc gỗ ở Việt Nam còn gắn với việc nhà nước phong kiến yêu cầu khắc in những bộ quốc sử đồ sộ. Để hoàn thành được những bộ thư tịch như vậy là rất tốn kém về công sức, tiền của. Công việc chỉ đạo biên soạn, khắc in những bộ quốc sử cần phải có đội ngũ giám sát chặt chẽ. Những người này được tuyển trạch kỹ càng và phải có uy tín, có tài học rộng được vua – chúa tín nhiệm. Trung thư giám là nơi coi sóc các công việc vụ thể trong các khâu của kỹ thuật khắc ván in. Trách nhiệm làm ra khuôn in được trao cho các viên thư ký nội các (Thị nội thư tả). Sau đó khuôn in này còn được kiểm tra qua bốn cấp nữa rồi mới chuyển cho từng thợ khắc ở hai xã Hồng Lục và Liễu Trảng.

Người làng Hồng Lục và Liễu Trảng sau khi học được nghề khắc ván đã tỏa đi khắp nơi trong các cơ sở ở Hà Nội, Nam Định sau này còn vào cả kinh thành Huế.

Nói như Cung Khắc Lược, khắc ván in là một nghề tinh xảo, vốn được gọi mở tương truyền từ ông tổ nghề là Lương Như Hộc. Kỹ nghệ khắc ván in của các phường hội Hồng - Liễu không thua kém so với những tay “tứ nhân” (thợ khắc ván) của Trung Quốc, nhưng thực chất của vấn đề không chỉ dừng ở chữ nghĩa, kiến thức học vấn mà còn ở trình độ thẩm mỹ và nhất là ở lý tưởng thẩm mỹ. Đại đa số thợ khắc ván in chỉ biết khắc ván, ít có khả năng kiêm nghiệm các công đoạn chế bản khác như *viết chữ, vẽ tranh*. Do đó những người khắc được ván in đều phải biết chữ và bộ thủ chữ Hán mới có thể đảm đương được những bộ sách đồ sộ như chính sử của nhà nước phong kiến và các bộ *Ngự chế thơ văn* của các Hoàng đế.

Thời Nguyễn (1802 - 1945)

Đây là thời kỳ nghề khắc ván và in sách phát triển rực rỡ và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.



Một trang sách *Tam hy đường pháp thiếp* in từ ván in

Không những chỉ có cơ quan nhà nước khắc in mà nhiều tư nhân cũng lập nhà in để khắc và in sách. Mặc dù trong thời gian đầu triều Nguyễn khi vua Gia Long trị vì nhà nước đã không quan tâm nhiều đến công tác kiểm soát việc sản xuất và phổ biến các ấn phẩm, tuy vậy, nhà nước vẫn quan tâm đặt hàng làm sách. Năm 1809 vua Gia Long đã hạ lệnh cho khắc ván in và phổ biến trong nước cuốn giáo khoa du nhập từ Trung Quốc là *Đại học điển nghĩa*.

Đối với nhà nước phong kiến triều Nguyễn, việc khắc in những bộ quốc sử đồ sộ, nổi tiếng đã chứng minh cho điều đó. Triều Nguyễn còn để lại nhiều bộ sách in đồ sộ, có giá trị, có bộ gồm tới mấy trăm quyển như *Đại Nam thực lục*, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Sách in gồm nhiều thể loại còn giữ được đến nay phần lớn thuộc giai đoạn này.

Cơ quan được chỉ định biên soạn khắc in là Quốc sử quán được thành lập dưới triều Hoàng đế Minh Mệnh.

[初建國史館帝諭群臣曰國家開拓以來列聖相承二百年迨我世祖高皇帝中興混一區宇其間事跡勳烈苟非史冊何以垂示永久朕欲建立史館命儒臣纂修國史寔錄以表建篤基勤之盛為後世法不亦可乎][大南 寔錄正編第二紀卷三, 十二] (*Sơ kiến Quốc sử quán, để dụ quần thần viết: Quốc gia khai thác dĩ lai, liệt thánh tương thừa nhị bách niên. Dãi ngã Thế tổ Cao hoàng đế trung hưng hỗn nhất khu vũ, kì gian sự tích huân liệt cẩu phi sử sách hà dĩ thùy thị vĩnh cửu. Trẫm dục kiến lập Sử quán, mệnh nho thần toàn tu Quốc sử thực lục dĩ biểu kiến, đốc, cơ, cần chi thịnh, vi hậu thế pháp, bất diệc khả hồ?*). (*Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỉ, quyển tam, tờ 12*)

Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: Bắt đầu dựng Quốc sử quán “*Vua dụ bầy tôi rằng: nhà nước ta mở mang đến nay, các Thánh nối nhau 200 năm. Kịp Thế Tổ Cao Hoàng đế ta trung hưng thống nhất đất nước, trong khoảng ấy, sự tích công nghiệp nếu không có sử sách thì lấy gì để dạy bảo lâu dài về sau. Trẫm muốn lập sử quán, sai các nho thần biên soạn Quốc sử thực lục để nêu công đức về kiến, đốc, cơ, cần làm phép cho đời sau cũng chẳng là phải sao*” (Quốc sử quán triều Nguyễn 2002, tập 2, tr. 66).

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tình hình xã hội Việt Nam biến chuyển dữ dội, kinh tế hàng hóa có xu hướng phát triển, nhu cầu về sách vở, về các tri thức khoa học trở nên bức thiết. Có nhiều “hiệu” “đường” ra đời và cũng là thời kỳ nở rộ của nghề in sách. Một loạt các nhà in sách như Quan Văn Đường, Quảng Thịnh Đường, Thịnh Văn Đường, Hữu Văn Đường, Áng Hiên Hiệu, Đông Kinh (Hà Nội), Hải Học Đường, Hương Thiện Đường (Hải Hưng), Ninh Phúc Đường (Hà Nam Ninh), Đắc Lập (Nghĩa Bình) v.v. không chỉ in sách văn học, sử học mà còn in địa lý, thiên văn, y học, pháp luật học, toán học... Nhiều nhà in để lại những tác phẩm có giá trị. Tuy vậy, tình hình cạnh tranh cũng dẫn đến hiện tượng in sai, in ẩu dẫn đến văn bản không chính xác.

Về sách vở và cơ sở in thời Nguyễn, thì theo thống kê của Mai Hồng và Nguyễn Hữu Mùi thì ở nước ta thời này có khoảng 318 “*nhà in*”, đại bộ phận đều mang niên đại Nguyễn. Có một số sách gắn với vài cơ sở in có tiếng và tuổi thọ khá lâu như Phường in Hồng - Liễu 211 tuổi (1683-1904), Đa Bảo Tự 216 tuổi (1665-1881), Vinh Khánh Tự 157 tuổi (1750-1907), Đoan Nghiêm Tự 216 tuổi (1763-1903), Quốc Tử Giám 89 tuổi (1820-1909), Liễu Văn Đường 91 tuổi (1834-1925).

Như vậy, có thể dễ dàng nhận thấy thời kì này nghề in sách Hán Nôm đã đạt đến độ cực thịnh, nhiều nhà in tư nhân đã ra đời đảm nhận một phần không nhỏ trong việc in ấn thư tịch. Nhà nước đảm nhiệm in ấn các bộ chính sử lớn, nhà in tư nhân in ấn các bộ thơ văn của các văn sĩ, quan lại...

3. Dấu ấn một tầng bản và cách bảo quản ván in dưới triều Nguyễn

Dưới triều Nguyễn còn có những cơ sở chuyên lưu trữ những bộ cổ thư, những bộ ván khắc chữ Hán Nôm có giá trị. Tiêu biểu cho những thư viện tư nhân này là thư viện Long Cương ở Nghệ An do Cao Xuân Dục đứng đầu, Liễu Văn đường ở

Hà Nội tàng bản bộ sách nổi tiếng của vua Tự Đức *Ngự chế Việt sử tổng Vịnh tập*, Quan Văn đường, Thư viện gia đình Lê Nguyên Trung: có bài ký soạn năm Bính Ngọ (1846) đời Thiệu Trị cho biết sách ở thư viện tư nhân này được xếp thành 7 loại khác nhau gồm: *Kinh, Thư, Sử, Tử, Tập, Cử nghệ, Tạp trữ*. Qua đây có thể nhận xét rằng nghề in ở Việt Nam rất được coi trọng. Hiện nay, số ván in mộc bản còn lại ở nước ta phần nhiều là của triều Nguyễn để lại, một phần có thể là ván của các triều trước được chuyển từ Văn Miếu Bắc thành về Huế theo chỉ dụ sưu tầm sách vở của vua Minh Mệnh “*năm Minh Mệnh thứ tám, vua sai quan ở Bắc thành kiểm điểm sách vở nguyên trữ ở Văn Miếu trong thành, như Tử thư, Ngũ kinh đại toàn, Vũ kinh trực giải (sách do nhà Quốc tử giám triều Lê trước tàng bản) và chính sử trước sau cùng là tứ trường văn thể, các ấn bản trên đưa về Kinh để vào nhà Quốc tử giám*”. (Quốc sử quán triều Nguyễn 1993, Tập 3, tr. 84)

Dưới đây là phần thống kê tên bộ sách và nơi tàng bản của những bộ ván khắc ván in mộc bản qua khảo sát tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV – Đà Lạt.

Những bộ sách do Quốc sử quán biên soạn và khắc in (1821 – 1945)

Quốc sử quán, với chức năng cơ quan biên soạn và khắc in những bộ sách chính văn chính sử quý giá của triều Nguyễn ra, thì cơ quan này còn góp phần không nhỏ trong việc tập trung thư tịch Hán Nôm về Huế. Năm Minh Mạng thứ nhất (1820), Quốc sử quán được dựng xong để biên soạn quốc sử. Năm Tự Đức thứ 2 (1849), dựng thêm Tầng bản đường ở phía sau sử quán để chứa ván in mộc bản. Những bộ sách dưới đây do Quốc sử quán biên soạn và khắc in theo chỉ dụ của vua.

Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập 大南正編列傳初集

Đại Nam chính biên liệt truyện nhị tập 大南正編列傳二集

Đại Nam liệt truyện tiền biên 大南列傳前編

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ 大南寔錄正編第一紀

Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ 大南寔錄正編第二紀

Đại Nam thực lục chính biên đệ tam kỷ 大南寔錄正編第三紀

Đại Nam thực lục chính biên đệ tứ kỷ 大南寔錄正編第四紀

Đại Nam thực lục chính biên đệ ngũ kỷ 大南寔錄正編第五紀

Đại Nam thực lục chính biên đệ lục kỷ 大南寔錄正編第六紀

Đại Nam thực lục chính biên đệ thất kỷ 大南寔錄正編第七紀

Đại Nam thực lục tiền biên 大南寔錄前編

Khâm định Việt sử thông giám cương mục tiền biên 欽定越史通鑑綱目前編

Khâm định Việt sử thông giám cương mục chính biên 欽定越史通鑑綱目正編

Đại Nam nhất thống chí 大南一統志

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ 欽定大南會典事例

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên 欽定大南會典事例續編

Minh Mạng chính yếu 明命正要

Hoàng Việt luật lệ 皇越律例

Nhân thế tu tri 人世須知

Quảng Bình khoa lục 廣平科錄

Thư kinh tân ước 書經新約

Thánh chế thi tam tập 聖製詩三集

Thi vận tập yếu 詩韻集要

Đồng Khánh Khải Định chính yếu 同慶啟定正要

Ngự chế văn sơ tập [Thiệu Trị] 御製文初集, 紹治

Ngự chế văn sơ tập [Minh Mạng] 御製文初集, 明命

Ngự chế văn nhị tập [Thiệu Trị] 御製文二集, 紹治

Ngự chế văn nhị tập [Minh Mạng] 御製文二集, 明命

Những bộ sách do Hải Học đường tàng bản (1814 – 1881)

Lịch triều sách lược 歷朝策略

Văn tuyển 文選

Bạch Vân Am thi tập 白雲庵詩集

Danh phú 名賦

Danh thi hợp tuyển 名詩合選

Danh văn tinh tuyển 名文精選

Độc sử si tưởng tập 讀史癡想集

Giang thương thi tập 江滄詩集

Truyện phú 傳賦

Những bộ sách do Đền Quan thánh tàng bản

Dưỡng chính di quy 養正遺規

Giáo nữ di quy 教女遺規

Tại quan pháp giới lục 在官法戒錄

Tông chính di quy 從政遺規

Tứ lục hợp tuyển 四錄合選

Sách do nhà in Long Cương Nghệ An tàng bản (1845 - 1851)

Quốc triều hương khoa lục 國朝鄉科錄

Quốc triều đăng khoa 國朝登科

Bộ sách do Hà Đình tàng bản (1878 – 1922)

Cung kỹ luân âm

Bộ sách do Quốc tử giám (Huế) tàng bản (1821)

Bích ung canh ca hội tập 辟雍廣歌會集

Đại Việt sử ký toàn thư 大越史記全書

Bộ sách do Mạc Vân Sào tàng bản (1857-1867)

Trương Quảng Khê tiên sinh tập 張廣溪先生集

Bộ sách do Liễu văn đường tàng bản (1834 -1925)

Ngự chế Việt sử tổng vịnh tập 御製越史總詠集

Kỹ thuật bảo quản tài liệu mộc bản

Việc bảo quản mộc bản dưới thời Nguyễn được các nhà vua đặc biệt quan tâm: đã cho xây dựng Quốc sử quán và Tàng bản đường để biên soạn các sách sử và bảo quản các ván khắc in những bộ sách chính văn, chính sử của triều đình. Điều này cho thấy triều Nguyễn rất quan tâm đến việc bảo quản tài liệu mộc bản, hạn chế đến mức thấp nhất tác hại của môi trường đối với tài liệu. Tuy nhiên, do khí hậu nước ta là khí hậu mang tính chất nhiệt đới gió mùa, độ ẩm trung bình hàng năm cao trên 80%, đó là điều kiện rất thuận lợi cho nấm mốc phát triển trên gỗ. Mùa khô hanh, nhiệt độ cao làm cho mộc bản dễ bị nứt. Trên thực tế cho thấy mộc bản thường bị nứt theo thớ gỗ.



Mộc bản không có thanh nôm bị nứt nhiều hơn so với tấm có thanh tre nôm

5. Nơi khắc và in sách lớn nhất Việt Nam thời phong kiến

Thời kỳ đầu khi nghề in mới được phát triển, Thăng Long lại là kinh đô của các triều đại Lý, Trần, Lê,... nên nơi đây trở thành trung tâm kinh tế văn hóa chính trị của cả nước. Do đó việc tập trung nhiều phường, hội, nhà in, tàng bản của tư nhân được mở ra nhiều nhằm phục vụ cho việc in sách và kinh doanh sách cho sĩ tử thi cử.

Ngoài các cơ sở khắc in của nhà nước ra, thì còn có các thư phường mọc lên như: Hội Văn đường, Quảng Thịnh đường, Quan Văn đường, Thịnh Văn đường, Phúc Văn đường, Lạc Thiện đường, Tự Văn đường, Cẩm Văn đường, Liễu Văn đường... Thậm chí đến đầu thế kỷ XX ở Hà Nội vẫn còn nhiều cơ sở tiếp tục nghề khắc in sách. Chủ nhân của những thư phường này đa phần là những người ở huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương hoặc là người làng Phù Ủng. Họ chuyển đến Hà Nội, Nam Định và các địa phương khác để mở phường in sách.

Là người trực tiếp chỉnh lý các bản khắc gỗ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV – Đà Lạt, chúng tôi nhận thấy trong hơn 32 ngàn bản khắc gỗ có nhiều bộ sách được bảo quản rất đặc biệt. Do tính chất của gỗ dễ bị nứt và cong vênh theo thớ, rất dễ bị hỏng ván in nếu không được bảo quản cẩn thận. Để khắc phục vấn đề này, người ta sử dụng một phương pháp rất có hiệu quả. Đó là, trên hai đầu tấm mộc bản của một đường rãnh cắt đứt liên kết giữa hai mặt của tấm mộc bản, sau đó dùng thanh nôm bằng tre già để nôm chặt vào rãnh đó. Việc làm này giữ cho mộc bản hạn chế bị nứt vỡ, hoặc trong trường hợp bị nứt cũng không thể vỡ rời thành hai mảnh. Bởi thanh nôm bằng tre đã cố định hai nửa của tấm mộc bản. Trên thực tế, những tấm mộc bản có nôm tre ít khi bị nứt. Đặc điểm này thấy rõ nhất trong bộ ván khắc sách *Đại Nam thực lục chính biên, Ngự chế Việt sử tổng vịnh tập* và một số bộ sách quan trọng khác do Quốc sử quán biên soạn. Nhiều bộ sách không được nôm tre bị nứt toác khá nhiều.



Thuận Hóa (Huế) là kinh đô của triều Nguyễn, trước và sau thế kỷ XIX, Huế thay thế kinh đô Hà Nội trở thành trung tâm chính trị mới, các thư phường cũng dần dần phát triển lên. Thợ khắc ván in ở Huế đều là người hai làng Hồng - Liễu ở Hải Dương chuyển vào để khắc các bộ sách lớn của nhà nước. Số lượng sách được khắc in dưới triều Nguyễn ở kinh thành Huế do nhà nước trực tiếp quản lý lên đến con số hàng chục đầu sách với số lượng mỗi bộ sách từ 1000 – 10.000 trang như: *Đại Nam thực lục* 560 quyển, *Đại Nam liệt truyện* 85 quyển, *Minh Mệnh chính yếu* 25 quyển, *Đông Khánh Khai Định chính yếu* 5 tập, *Đại Nam nhất thống chí* thời Duy Tân 17 quyển, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục biên* 61 quyển. Do kinh phí để khắc in một bộ sách là khá nhiều, do vậy nhiều những tuyển tập thơ của tư nhân ít khi được khắc in

thay vào đó là sách của các vua chúa, các ông hoàng và một số người có điều kiện mới khắc in được.

6. Tạm kết

Lịch sử đã để lại cho đất nước chúng ta một di sản chữ Hán – Nôm đồ sộ qua hàng ngàn năm. Theo GS Trần Nghĩa cho biết, sau ngày nước Âu Lạc mất độc lập, trở thành một bộ phận của nước Nam Việt, chữ Hán đã được sử dụng phổ biến trong quản lý hành chính. Tuy nhiên, chữ Hán chỉ thực sự trở thành phương tiện ghi chép và truyền thông trong tay người Việt kể từ đầu Công nguyên trở đi.

Từ thế kỷ thứ X về sau, Việt Nam tuy thoát khỏi ách thống trị của Phong kiến Trung Quốc, nhưng chữ Hán và tiếng Hán theo đà của nó vẫn tiếp tục được sử dụng như là một công cụ để đào tạo nhân tài, nâng cao dân trí, phát triển văn hóa dân tộc, khảo luận thi cử. Khoa thi chữ Hán cuối cùng kết thúc năm 1919, nhưng việc học tập ghi chép bằng chữ Hán cứ kéo dài cho đến Cách mạng Tháng 8 – 1945. Nói tóm lại chữ Hán có hơn 2000 năm lịch sử trên đất nước ta, trong đó có khoảng 1000 năm được sử dụng thời tự chủ. Nhưng rồi những bất cập trong việc sử dụng chữ Hán, cho dù nó có sức sống mạnh mẽ dai dẳng đến đâu chăng nữa thì cuối cùng với tư cách là văn tự ngoại lai, nó vẫn tỏ ra lúng túng, thậm chí bất lực trước nguyện vọng trực tiếp ghi chép, diễn đạt lời ăn tiếng nói cùng tâm tư tình cảm của người Việt. Chính vì vậy mà chữ Nôm ra đời, chữ Nôm được dựa trên chất liệu của chữ Hán nhưng để ghi âm, phiên âm các từ thuần Việt như tên đất tên làng, địa danh cây cỏ...

Trong hàng ngàn năm lịch sử đó, biết bao nhiêu thư tịch đã được khắc in dưới các triều đại. Tuy nhiên, phần lớn các ván in và thư tịch đã bị mất mát nhiều. Hiện nay chỉ còn lại số ít ván in dưới triều Nguyễn được bảo quản tại Đà Lạt với hơn 150 đầu sách đủ cả các lĩnh vực thao, lược, âm, cầm, nho, y, lý, số, nói theo kiểu nói của người xưa đó là theo học thuyết Khổng – Mạnh chủ trương sống nhân nghĩa vị tha chính danh, xây dựng một xã hội có trật tự kỷ cương bằng nho học như các sách Luận ngữ, Mạnh tử, cùng các sách kinh điển của Nho gia như thi kinh, dịch kinh, thư kinh. Ngoài ra, còn một số ván in khác đang bảo quản ở Bắc Giang, Hà Nội, Huế, Nghệ An...

Không chỉ có những đầu sách mang tính giáo dục thời phong kiến, kho sách ván in mộc bản còn hàm chứa nhiều bộ mang tính học thuật cao gồm

các chủ đề về văn thơ, địa lý, ngôn ngữ văn tự, lịch sử, tôn giáo, tín ngưỡng mà thông tin trong đó giúp ích rất nhiều cho các nhà nghiên cứu, đặc biệt là thông tin nguồn gốc trích dẫn chính thống.

Chắc chắn rằng nhiều ngành khoa học của ta như triết học, lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật, quốc phòng, văn hóa, giáo dục, ngôn ngữ, văn tự, văn học, nghệ thuật, tôn giáo... sẽ phải dựa vào không ít kho sách mộc bản Hán Nôm để dựng lại diện mạo một thời, trong đó có đối tượng nghiên cứu, thậm trí có cả bản thân ngành nghiên cứu. Những ấn số trong quá khứ dân tộc có thể sẽ được giải mã một phần qua việc nghiên cứu quá trình hình thành nghề khắc ván in sách Hán Nôm một thời.

Tim hiểu lịch sử nghề khắc ván và in sách Hán Nôm của nước ta thời Phong kiến để thấy thấy được tầm quan trọng của công việc này. Đất nước ta trải qua nhiều triều đại, lại phải ngoài chống ngoại xâm, trong lo nội chiến, binh đao loạn lạc, thư tịch mất mát nhiều. May mắn ngày nay số ván in và thư tịch cũng còn giữ được vài phần, mặc dù không vẹn toàn nhưng cũng là cơ sở để cho chúng ta nghiên cứu tiếp nối những giá trị từ ngàn xưa của cha ông ta. Bên cạnh đó, việc gìn giữ được kho ván in tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV – Đà Lạt đã được UNESCO công nhận kho mộc bản của Việt Nam trong chương trình ký ức thế giới, điều đó càng chứng tỏ được nghề khắc in đã để lại một di sản văn hóa vô giá cho chúng ta sánh ngang với mộc bản của Hàn Quốc, Nhật Bản, là minh chứng hùng hồn của nước ngàn năm văn hiến. Nói như Phan Huy Chú (1782-1840), ông viết trong lời tựa thiên Nghệ văn chí sách *Lịch triều hiến chương loại chí* đã nhận xét rằng: “*Nước Việt ta tiếng khen lẽ nghĩa đã hơn nghìn năm vốn có thư tịch đã từ lâu lắm. Kể từ Đinh, Lê dựng nước đối địch với Trung Hoa, mệnh lệnh từ chương dần dần rõ rệt. Đến Lý, Trần nói trị, văn vật mở mang, về tham định thì có những sách điển chương điều luật; Về ngự chế thì có các thể chiếu, sắc, thi ca. Trị bình đời nói, văn nhã đủ điều. Huống chi nho sĩ đời nào cũng có, văn chương nảy nở như rừng; sách vở ngày càng nhiều, nếu không trải qua binh lửa mà hoá tro tàn, thì hẳn là trâu kéo phải mệt, nhà chất phải đầy ngang xà. Đến khi nhà Lê dựng nước, văn hoá lại càng thịnh dần, hơn ba trăm năm, chế tác đầy đủ kỹ càng, văn hiến đứng đầu trung châu (Trung Quốc), điển chương rộng cả thời đại”.* (Phan Huy Chú 1992, tr. 63)

Tài liệu tham khảo

- Hoa, Bằng. 1970. “Kỹ thuật ấn loát của ta thời xưa”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 133, tr 54.
- Phan, Huy Chú. 1992. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Dịch. Tổ phiên dịch viện Sử học. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, tập 3, tr 63.
- Châu bản triều Nguyễn (bản chữ Hán) hiện bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, số ký hiệu: quyển 310, số thứ tự 010, tờ số 030.
- Châu bản triều Nguyễn (bản chữ Hán) hiện bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, số ký hiệu: quyển 275, số thứ tự 056, tờ số 133.
- Châu bản triều Nguyễn (bản chữ Hán) hiện bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, số ký hiệu: quyển 032, số thứ tự 093, tờ số 203.
- Mai, Hồng, Nguyễn, Hữu Mùi. 1989. “Tìm hiểu nghề in của ta qua kho sách Hán Nôm”. *Tạp chí Hán Nôm*, số 1, tr 46-55.
- Henri Oger. *Kỹ thuật của người An Nam* (DVD). 2009. Hà Nội: EFEO.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 2002. *Đại Nam thực lục*. Dịch. Tổ phiên dịch viện Sử học. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục, tập 1.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 2002. *Đại Nam thực lục*. Dịch. Tổ phiên dịch viện Sử học. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục, tập 2.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 2006. *Đại Nam nhất thống chí*. Dịch. Tổ phiên dịch viện Sử học. Huế: Nhà xuất bản Thuận Hoá.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 1993. *Minh Mệnh chính yếu*. Dịch. Ủy ban dịch thuật Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên. Huế: Nhà xuất bản Thuận Hoá, tập 3.
- Kim, Sơn, Thiên phái Trúc Lâm. 1976. *Thiên uyển tập anh*. Dịch. Lê Mạnh Thát. Sài Gòn: Nhà xuất bản Đại học Vạn Hạnh.
- Lê, Quốc Việt Cung, Khắc Lược. 1998. *Nghề in và đồ họa sách thời Nguyễn, Thông báo Hán Nôm học*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới.
- Viện Văn học. 1977. *Thơ văn Lý Trần*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, tập 1, tr 18.